

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HS-ST

Ngày : 29/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đ Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Luân

Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký tòa án nhân dân quận Tân Bình - Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Cao Đình K; sinh năm 1992 tại Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú: xã A, huyện B, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: phường C, quận D, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: làm công; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Đình C, sinh năm 1970 và bà: Phan Thị H, sinh năm 1972; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 12/7/2018. Có mặt.

2. Nguyễn Hồng Đ; sinh năm 1991 tại Vĩnh Long; nơi đăng ký thường trú: xã E, huyện F, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Phường G, quận H, Tp. Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu P, sinh năm 1966 và bà: Lê Thị Bích L, sinh năm 1967, vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 13/7/2018. Có mặt.

3. Nguyễn Quốc V; sinh năm 1995 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký thường trú: xã I, huyện K, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn D, sinh năm 1967 và bà: Hồ Thị R, sinh năm 1965; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: 12/7/2018. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Chí N, sinh năm 1992, nơi cư trú: xã L, huyện M, tỉnh Trà Vinh. Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10/2017, Cao Đình K đưa cho Nguyễn Văn Chí N 102.000.000 đồng nhờ N làm thủ tục xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, hai bên tự thỏa thuận không ký hợp đồng. N không thực hiện nên K yêu cầu trả lại số tiền trên, nhưng N chỉ trả 2.000.000 đồng, nợ lại 100.000.000 đồng, hứa trả tiền nhiều lần nhưng không trả và bỏ về quê. Khoảng tháng 4/2018, K rủ bạn là chị Nguyễn Thị Phương L đến tìm N tại nhà ở Vĩnh Long nhưng không gặp được. Ngày 27/6/2018, K nhờ L chở đến gặp Nguyễn Hồng Đ là bạn đồng hương tại Phường G, quận H thì gặp Nguyễn Quốc V (em họ của Đ). Khi biết Đ cũng từng bị lừa mất tiền trong việc xin đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, K nhờ Đ tìm N đòi lại số tiền trên, nếu đòi được sẽ cho Đ 50.000.000 đồng. Đ đồng ý. Để việc đòi nợ hợp pháp khi gặp N, Đ nhờ V ký hợp đồng về việc K ủy quyền cho V đòi lại 100.000.000 đồng từ N. Sau khi ký hợp đồng, Đ gọi điện nhờ bạn là Nguyễn Hoàng N1 (có bà con với N) tìm và hẹn cho Đ và mọi người gặp N để giải quyết.

Tối ngày 11/7/2018, N1 và N hẹn gặp nhau tại quán ốc Z tại Phường K, quận H. N1 điện thoại thông báo cho K, K rủ L, Đ và V đến quán ốc trên. Tại đây, K, Đ, L và V có yêu cầu N và gia đình trả lại số tiền nợ. Đ và V đánh vào đầu và mặt N. L gọi điện cho bà Nguyễn Thị O (mẹ của N) cho Đ và V nói chuyện yêu cầu bà O đem tiền đến trả nợ cho K nhưng bà O từ chối.

Đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 12/7/2018, Đ yêu cầu mọi người đến quán karaoke X tại Phường G, quận H để tiếp tục nói chuyện. N và mọi người ra lấy xe, N1 đi cùng xe với K, V chở Đ và N, L điều khiển xe một mình.

Khi đến quán karaoke, Đ thuê phòng tại lầu 2, cả nhóm cùng N vào phòng. Trong lúc nói chuyện, Đ dùng tay đánh vào mặt N. V dùng tay, dây thắt lưng và cục nước đá đánh vào đầu, mặt và người N, yêu cầu N trả tiền và tiếp tục cho N điện thoại cho mẹ là bà Nguyễn Thị O mang tiền đến trả cho N; yêu cầu N viết giấy nợ, cam kết 03 ngày sau phải trả cho K số tiền 100.000.000 đồng. Trong suốt quá trình này, mọi người trong phòng vẫn uống bia, nói chuyện và hát karaoke. N không hát nhưng có uống bia cùng. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, L nói với Đ “tìm chỗ nào ngủ cho khỏe”. Do đã uống nhiều bia nên Đ hiểu là Liên nói “thuê khách sạn cho N nghỉ”, mọi người tính tiền ra khỏi khu vực quán, L về nhà trước. Lúc này, Đ nói với K và V đưa N đến khách sạn Y tại số Phường K, quận H, khi nào nhà N mang tiền đến trả mới cho N về.

Đ chở N và V, K đi cùng xe với N1 cùng đến khách sạn Y. Đ vào thuê phòng 502, nói V và K ở lại ngủ canh giữ N đợi hôm sau gia đình N mang tiền đến trả cho K. Đ và N1 ra về, K và V đưa N lên phòng khóa cửa, yêu cầu N lên giường ngủ, còn K và V nằm ngủ cùng để canh giữ N.

Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, K thức dậy yêu cầu N điện thoại cho gia đình yêu cầu đem tiền đến trả nợ, N gọi điện đồng thời nhắn tin cho bà Oanh báo đang bị giữ tại khách sạn Y. Nhận tin, bà Oanh báo cho Nguyễn Văn Vũ C (anh của N) đến Cơ quan cảnh sát điều tra Tp. Hồ Chí Minh trình báo. Vào lúc 08 giờ ngày 12/7/2018, Công an Tp. Hồ Chí Minh phối hợp với Công an Phường K, quận H kiểm tra khách sạn Y và bắt quả tang Cao Đình K và Nguyễn Quốc V đang có hành vi giữ Nguyễn Văn Chí N tại phòng 502 của khách sạn. Quá trình truy xét, mời đối tượng Nguyễn Hồng Đ đến cơ quan công an làm việc. Ngày 20/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Tp. Hồ Chí Minh chuyển hồ sơ cùng 03 đối tượng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cao Đình K, Nguyễn Quốc V và Nguyễn Hồng Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Riêng đối tượng Nguyễn Thị Phương L không thừa nhận đã tham gia bắt giữ N cùng K và đồng bọn. L không chủ động đưa N từ quán ốc đến quán karaoke X và khách sạn Y. Đ là người nói đưa N đến quán karaoke nên L sử dụng xe đi theo, L thấy N tự N đi cùng, không có ai khống chế ép buộc N. Sau khi tính tiền karaoke, L đi về nhà, không biết và không liên quan đến việc N bị đưa vào khách sạn Y và bị giữ tại đây.

Trích xuất hình ảnh ghi nhận K và đồng bọn giữ N tại quán karaoke X, giữ được đoạn video clip trong điện thoại di động của K có nội dung các bị can Đ, V, Liên có lời nói đe dọa, yêu cầu N và gia đình N phải trả lại tiền cho K, V dùng tay và thắt lưng đánh vào mặt N, L có lời nói đe dọa yêu cầu N trả tiền cho K. K, Đ, V và L xác nhận lời nói và hình ảnh trong đoạn video clip trên là của mình. Tuy nhiên, L cho rằng do N có hành vi lừa đảo tiền của K nên mọi người nói chuyện yêu cầu N trả tiền và yêu cầu N nói gia đình mang tiền đến trả nợ cho N. L không yêu cầu tham gia hay nghe mọi người bàn bạc về việc bắt, giữ N. Tiến hành đối chất, V và Đ khai nhận L là người yêu cầu đưa N đến khách sạn; K khai không nghe L yêu cầu mà Đ là người nói K đưa N qua khách sạn Y ngủ để chờ gia đình N mang tiền đến trả mới cho N về. L khai không biết và liên quan đến việc đưa N đến khách sạn. Ngoài lời khai của Đ và K, không có nhân chứng chứng minh việc L là người yêu cầu đưa N đến khách sạn.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng (tình trạng máy hư hỏng không sử dụng được), 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen là tài sản cá nhân của K.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng, là tài sản cá nhân của V.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng vàng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu trắng đỏ là tài sản cá nhân của Đ.
- 01 giấy viết tay có tiêu đề “Giấy nhận tiền” có chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của Nguyễn Văn Chí N, đính kèm hồ sơ vụ án.
- 01 giấy viết tay có tiêu đề “Giấy ủy quyền” có nội dung K ủy quyền cho V thu nợ từ N, đính kèm hồ sơ vụ án.
- 02 USB chứa dữ liệu camera ghi hình ảnh việc bắt, giữ N tại quán ốc Z, tại quán karaoke X và tại khách sạn Y, đính kèm hồ sơ vụ án.

Đối với Nguyễn Thị Phương L, tại quán ốc Z và quán karaoke X, L cùng với V, K, N1 và Đ dùng lời lẽ đe dọa đánh và có dùng vũ lực đánh để N trả tiền nhưng không có sự bàn bạc hay đe dọa sẽ “bắt giữ”. Với những chứng cứ thu thập được, không có căn cứ xác định Liên là đồng phạm trong vụ án “Bắt, giữ người trái pháp luật” với K, V và Đ nên không có cơ sở khởi tố điều tra.

Đối với hành vi dùng vũ lực của Đ, V và Liên đối với Nguyễn Văn Chí N, do N chỉ bị đau nhức lúc bị các đối tượng trên dùng vũ lực, sau khi đã bình phục hoàn toàn, không để lại thương tích, N không có yêu cầu bồi thường và xử lý hình sự nên không đủ cơ sở xử lý đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của Đ, V và Liên.

Đối với Nguyễn Hoàng N là người tìm và hẹn N đến quán ốc Z để K và đồng bọn đến gặp N. Tại quán ốc và quán karaoke, N1 có mặt chứng kiến việc K và đồng bọn làm việc được nên chưa có cơ sở làm rõ và xử lý hành vi phạm tội của N1. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối tượng N1, khi làm việc được với N1 sẽ làm rõ hành vi và đề nghị xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 02 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Cao Đình K, Nguyễn Hồng Đ và Nguyễn Quốc V về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình rút một phần truy tố các bị cáo về hành vi “Bắt người trái pháp luật”, chỉ truy tố các bị cáo về tội “Giữ người trái pháp luật”, nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về vật chứng thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo Cao Đình K, Nguyễn Hồng Đ và Nguyễn Quốc V, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Cao Đình K, Nguyễn Hồng Đ và Nguyễn Quốc V là những người không có thẩm quyền giữ người, nhưng bị cáo Đ đã có hành vi thuê khách sạn và phân công cho bị cáo K và bị cáo V ở lại canh giữ và khống chế anh Nguyễn Văn Chí N từ khoảng 03 giờ ngày 12/7/2018 tại khách sạn Y, Phường K, quận H để buộc người nhà anh N mang tiền đến trả cho Cao Đình K do anh N nợ trước đó chưa trả, đến 09 giờ cùng ngày thì bị công an kiểm tra khách sạn bắt quả tang các bị cáo đang có hành vi giữ anh N, đã phạm vào tội “Giữ người trái pháp luật”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình rút một phần truy tố các bị cáo ở hành vi “Bắt người trái pháp luật” quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, tự do cá nhân của công dân, làm ảnh hưởng đến tinh thần, danh dự không chỉ đối với bị hại mà đối với cả người thân, gia đình của họ. Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức được hành vi xâm phạm đến thân thể, quyền tự do cá nhân của người khác là bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì lợi ích cá nhân, mong muốn nhanh chóng lấy lại tiền mà các bị cáo khống chế người bị hại nhiều giờ liền, chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù nhằm mục đích giáo dục, cải tạo các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn Chí N không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tang vật vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng (tình trạng máy hư hỏng không sử dụng được) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen là thu giữ của bị cáo K, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng thu giữ của bị cáo V, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng vàng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu trắng đỏ thu giữ của bị cáo Đ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- 01 giấy viết tay có tiêu đề “Giấy nhận tiền” có chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của Nguyễn Văn Chí N, 01 giấy viết tay có tiêu đề “Giấy ủy quyền” có nội dung K ủy quyền cho V thu nợ từ N, 02 USB chứa dữ liệu camera ghi hình ảnh việc bắt, giữ N tại quán ốc Z, tại quán karaoke X và tại khách sạn Y là chứng cứ của vụ án có thể lưu giữ vào hồ sơ vụ án nên cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[1] Tuyên bố các bị cáo Cao Đình K, Nguyễn Hồng Đ và Nguyễn Quốc V phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt bị cáo: Cao Đình K 06 (sáu) tháng 17 (mười bảy) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt quả tang 12/7/2018.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Hồng Đ 06 (sáu) tháng 16 (mười sáu) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/7/2018.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Quốc V 06 (sáu) tháng 17 (mười bảy) ngày tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt quả tang 12/7/2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự

Trả tự do cho các bị cáo Cao Đình K, Nguyễn Hồng Đ và Nguyễn Quốc V ngay tại phiên tòa, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[2] Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy viết tay có tiêu đề “Giấy nhận tiền” có chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của Nguyễn Văn Chí N, 01 giấy viết tay có tiêu đề “Giấy ủy quyền” có nội dung K ủy quyền cho V thu nợ từ N, 02 USB chứa dữ liệu camera ghi hình ảnh việc bắt, giữ N tại quán ốc Z, tại quán karaoke X và tại khách sạn Y.

Trả lại cho bị cáo Cao Đình K: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng (tình trạng máy hư hỏng không sử dụng được) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số imeil: 35644081619939.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc V 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5, số imeil: 013629002531383.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng Đ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus màu trắng vàng, số imeil: 355392071470183 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu trắng đỏ, số imeil: 355839085745943.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 15/PNK ngày 07/12/2018 của Công an quận Tân Bình).

[3] Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Ngô Đ Thụ